

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần số 6: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn
tỉnh Trà Vinh thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống
cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,
vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2014/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021; số 3462/QĐ-BNN-KH ngày 13/9/2022; số 4974/QĐ-BNN-KH ngày 21/12/2022 về phê duyệt Chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn;

Căn cứ công văn số 4795/UBND-NN ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thực hiện dự án đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2917/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn;

Căn cứ Tờ trình số 97/TTr-NS ngày 18/4/2023 của Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn về việc thẩm định Báo cáo nghiên

cứu khả thi dự án thành phần số 6: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Trà Vinh thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi kèm theo báo cáo thẩm định số 467/BC-TL-QH ngày 05/5/2023 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần số 6: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Trà Vinh thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần số 6: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Trà Vinh.

2. Cấp quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ

Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung phục vụ cấp nước sinh hoạt cho người dân nông thôn tại những vùng khó khăn, khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, trong đó cấp nước mới cho 10.323 hộ dân (dự kiến đến năm 2030 là 10.704 hộ dân).

5. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng mới 03 công trình và nâng cấp, mở rộng 06 công trình cấp nước tập trung nông thôn, cụ thể:

(1) Xây dựng mới công trình Trạm cấp nước mặt từ xã Huyền Hội, huyện Càng Long với công suất 10.500 m³/ngày đêm;

(2) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung Long Hữu, thị xã Duyên Hải với công suất 1.550 m³/ngày đêm;

(3) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Hàm Tân, huyện Trà Cú với công suất 1.200 m³/ngày đêm;

(4) Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước sạch tập trung Dân Thành, Thị xã Duyên Hải với công suất 900m³/ngày đêm;

(5) Nâng cấp, mở rộng tuyến ống Nhà máy nước sạch tập trung xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long với công suất 1.200m³/ngày đêm;

(6) Nâng cấp, mở rộng tuyến ống cấp nước Nhà máy nước sạch tập trung xã An Trường A, huyện Càng Long với công suất $800\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

(7) Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước sạch tập trung liên xã Lương Hòa A-Lương Hòa, huyện Châu Thành với công suất $1.200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

(8) Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước sạch tập trung xã Long Hòa, Hòa Minh, huyện Châu Thành với công suất $1.900\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

(9) Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch tập trung xã Phước Hưng, huyện Trà Cú với công suất $1.900\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước tại 03 công trình khai thác nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt - Hồ chứa nước thô - Trạm bơm nước thô - Tuyến ống nước thô - Thiết bị trộn hoá chất (Static Mixer) - Bể phản ứng thủy lực + lắng lamen - Bể lọc nhanh trọng lực - Khử trùng - Trạm bơm nước sạch - Mạng lưới tiêu thụ

- Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước tại 06 công trình khai thác nguồn nước dưới đất: Giếng khoan - Ống nước thô - Tháp làm thoáng tải trọng cao - Bể lắng tiếp xúc - Bể lọc nhanh trọng lực - Khử trùng - Bể chứa nước sạch - Trạm bơm nước sạch - Mạng lưới tiêu thụ. Riêng đối với công trình nâng cấp, mở rộng nhà máy nước sạch tập trung xã Long Hòa, Hòa Minh, huyện Châu Thành thí điểm lắp đặt thêm 01 thiết bị lọc RO xử lý nước lọc thành nước ngọt công suất $10\text{m}^3/\text{h}$, sơ đồ dây chuyền công nghệ như sau: Giếng khoan - Ống nước thô - Tháp làm thoáng tải trọng cao - Bể lắng tiếp xúc - Bể lọc nhanh trọng lực - Khử trùng - Thiết bị lọc nước RO - Bể chứa nước sạch - Trạm bơm nước sạch - Mạng lưới tiêu thụ.

- Công nghệ xử lý nước theo TCXDVN 33:2006.

(Chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo)

6. Trách nhiệm đầu tư

6.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đầu tư công trình đầu mối, trạm xử lý, đường ống chính đối với 01 công trình xây dựng mới tại khoản 5 Điều này (công trình số (2)).

Đầu tư công trình đầu mối, trạm xử lý đối với 02 công trình xây dựng mới và 06 công trình nâng cấp, mở rộng tại khoản 5 Điều này (công trình số (1) và công trình từ (3) đến số (9)).

6.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

Đầu tư đường ống (sau đường ống Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư) và đấu nối hộ gia đình đối với 01 công trình tại khoản 5 Điều này (công trình số (2));

Đầu tư toàn bộ mạng đường ống đối với 08 công trình tại khoản 5 Điều

này (công trình số (1) và công trình từ số (3) đến số (9));

7. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

8. Địa điểm xây dựng: Tại tỉnh Trà Vinh.

9. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

10. Loại, cấp công trình

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Thiết kế cơ sở.
- Thiết kế bản vẽ thi công.

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

13. Tổng mức đầu tư: 133.678.108.000 đồng *(Một trăm ba mươi ba tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu một trăm linh tám nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng (hạng mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư):	8.997.060.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	86.988.182.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	18.988.217.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.292.633.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.593.551.000 đồng
- Chi phí khác:	1.019.538.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	6.798.924.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục IV-1, V kèm theo)

Tổng mức đầu tư trên tính cho các hạng mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư, chưa bao gồm các hạng mục do tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm đầu tư (tại điểm 6.2 khoản 6 Điều này) để đảm bảo đồng bộ công trình.

14. Nguồn vốn đầu tư

Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

15. Tiến độ thực hiện dự án: 4 năm, tính từ ngày khởi công.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

17. Đền bù giải phóng mặt bằng:

Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án là: 441.455,5 m², trong đó :

- Diện tích đất sử dụng vĩnh viễn: 21.455,5 m².
- Diện tích đất sử dụng tạm thời: 420.000 m².

18. Những lưu ý trong giai đoạn sau

- Rà soát toàn bộ các ý kiến tham gia của Cục Thủy lợi, Vụ Kế hoạch (các báo cáo, văn bản thẩm định, tham gia ý kiến,...) để thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật, tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan;

- Rà soát tổng mức đầu tư, phương án thiết kế cơ sở, khảo sát địa hình, địa chất (bao gồm cả các phương án khác nhau phục vụ so chọn hướng, tuyến của các đường ống chính), đánh giá khả năng nguồn cấp nước tại thời điểm lập thiết kế bản vẽ thi công để làm cơ sở tính toán chính xác quy mô, phạm vi, hướng, tuyến đường ống chính phù hợp với tính chất kỹ thuật, điều kiện địa hình, địa chất cho từng trạm cấp nước cụ thể đảm bảo về mặt kinh tế - kỹ thuật và giảm thiểu chi phí trong quản lý, vận hành.

- Về biện pháp thi công: lập chi tiết biện pháp thi công cho các hạng mục công trình phù hợp với điều kiện địa hình, tiết kiệm chi phí, đảm bảo kỹ thuật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

- Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn có trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án (lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu khả thi); bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan của giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho Chủ đầu tư Dự án thành phần số 6.

- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh (Chủ đầu tư Dự án thành phần số 6):

+ Báo cáo cấp có thẩm quyền cập nhật Dự án thành phần số 6 vào trong Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Chỉ triển khai các bước tiếp theo của Dự án thành phần số 6 khi: (i) Ủy

ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt đầu tư các công trình, hạng mục tại điểm 6.2 khoản 6 Điều 1 và bố trí đủ nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2025 để đầu tư các hạng mục nêu trên, đảm bảo đồng bộ với các hạng mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư; (ii) Các hạng mục công trình đã được cập nhật trong quy hoạch tỉnh và được duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư các công trình, hạng mục thuộc trách nhiệm đầu tư của tỉnh tại điểm 6.2 khoản 6 Điều 1 (dự kiến khoảng 130,197 tỷ đồng); bố trí đủ nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2025 và tổ chức thực hiện đầu tư các hạng mục trên đảm bảo đồng bộ với các hạng mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư;

(Chi tiết tại Phụ lục IV-2 kèm theo)

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy định hiện hành, đảm bảo theo đúng tiến độ chung của Dự án thành phần số 6;

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện lộ trình điều chỉnh giá nước sạch theo quy định đảm bảo hoạt động hiệu quả của công trình; ban hành chính sách bù giá nước sạch trong trường hợp chưa thực hiện lộ trình điều chỉnh giá nước sạch theo thẩm quyền.

- Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác công trình sau khi xây dựng hoàn thành; xây dựng cơ chế tài chính để quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật để đảm bảo hoạt động bền vững, phát huy hiệu quả đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Kho bạc NN tỉnh Trà Vinh;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL. (20b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp